

## PHÂN VÙNG VĂN HỌC DÂN GIAN MƯỜNG

MAI THỊ HỒNG HẢI

Người Mường, chủ nhân của một nền văn hóa có lịch sử lâu đời và hiện tại vẫn giữ được những bản sắc văn hóa độc đáo đã được các nhà nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn trong nước và ngoài nước chú ý từ rất sớm. Nếu không kể đến các sách cổ của ông cha ta, trong đó có các ghi chép sớm nhất về người Mường như *Dư địa chí*, *Đại Nam thống nhất chí*, thì công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu về người Mường là luận văn “*Tiếng Mường*” được E. H. Parker công bố năm 1891. Từ sau năm 1945, đặc biệt là từ sau 1954 trở đi, việc nghiên cứu về dân tộc Mường đã đạt được nhiều thành quả quan trọng, danh mục tài liệu các công trình nghiên cứu trực tiếp hoặc gián tiếp về người Mường và văn hóa dân tộc Mường chiếm một số lượng lớn với gần một nghìn công trình, bao gồm: sách, luận án, luận văn, bài tạp chí, báo cáo khoa học... Một số công trình đã trở thành mẫu mực cho việc nghiên cứu dân tộc học đối với dân tộc Mường, như *Người Mường: Địa lý nhân văn và xã hội học* của Jeanne Cuisiner (1995); *Góp phần nghiên cứu văn hoá và tộc người* của Nguyễn Từ Chi cùng một số các công trình với bút danh khác của ông như: *Hoa văn cạp váy Mường* (Trần Từ, 1978), *Người Mường ở Hoà Bình* (Trần Từ, 1996).

Các công trình nghiên cứu về dân tộc Mường từ trước đến nay đã bao quát toàn diện các lĩnh vực khác nhau như: Lịch sử nguồn gốc tộc người Mường; Môi trường

cảnh quan cư trú của người Mường; Chế độ ruộng đất cổ truyền Mường; Cơ cấu xã hội Mường và chế độ nhà Lang; Đời sống kinh tế, văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của người Mường; Ngôn ngữ Mường; Âm nhạc dân gian Mường; Hoa văn Mường; Trang phục Mường; Kiến trúc nhà cửa Mường; Văn học dân gian Mường: Các sắc thái địa phương của người Mường Hoà Bình, Mường Thanh Hóa...

Có thể nói, sau ngôn ngữ Mường thì văn học dân gian Mường được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, sưu tầm. Đó là các truyện cổ tích, thần thoại, truyện thơ (như *Nàng Ỗm - Chàng Bồng Hương*, *Nàng Nga - Hai Mối*, *Út Lót - Hồ Liêu*), các thể loại dân ca (như *Xuông*, *Rang*, *Bộ mệnh* - có nơi gọi là *Thường Đang* như ở Hoà Bình). Đặc biệt là hệ thống *Mo* đồ sộ, trong đó *Đẻ đất đẻ nước* của người Mường ở Hoà Bình và Thanh Hóa là đối tượng được các nhà khoa học dành nhiều thời gian sưu tầm văn bản và nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau. Nhìn khái quát, việc nghiên cứu văn học dân gian Mường đã đạt được nhiều thành quả lớn, chẳng hạn như: *Đẻ đất đẻ nước bản sử thi đầu tiên của nền văn học Việt - Mường* của Phan Ngọc (1986), *Hôn nhân và sự phát triển của cộng đồng Mường qua sử thi Đẻ đất đẻ nước* của Đặng Thái Thuyên (1988); *Sử thi thần thoại Mường* của Trương Sỹ Hùng (1992); *Đẻ đất đẻ nước: Sử thi Mường* của Đặng Văn Lung, Vương Anh, Hoàng Anh Nhân (1988).

Tuy nhiên, qua những tư liệu nghiên cứu đã có về văn học dân gian Mường cùng với những tư liệu điền dã ở các vùng mường lớn như mường Khô (thuộc huyện Bá Thước), mường Rặc (thuộc huyện Ngọc Lặc), mường Động (thuộc huyện Kim Bôi), mường Bi (thuộc huyện Tân Lạc), chúng tôi nhận thấy: Dưới góc độ địa lý học tộc người, nếu lấy khu vực cư trú làm tiêu chí thì sự phân bố của người Mường ở nước ta tạo thành các vùng Mường ít nhiều có những nét khác biệt. Nếu như sắc thái Mường khác nhau giữa các địa phương, chẳng hạn như ở Hoà Bình và Thanh Hoá dễ nhận biết nhất ở bộ trang phục nữ, thì sắc thái đó ở văn học dân gian không dễ gì nhận ra ngay. Bài viết này đề cập đến việc phân vùng văn học dân gian Mường - một vấn đề ít được quan tâm trong nhiều công trình nghiên cứu trước đây về người Mường, nhằm góp phần nhận diện tính thống nhất cao về loại hình và tính đa dạng điển hình của một hiện tượng văn hóa vùng<sup>1</sup>.

## **1. Cơ sở phân vùng văn học dân gian Mường**

### **1.1. Thuyết phân vùng văn hóa**

Việc tiến hành phân vùng văn học dân gian liên quan đến vấn đề phân vùng văn hóa, bởi văn học dân gian được xem là một trong những biểu hiện quan trọng của đặc trưng văn hóa vùng. Do đó, trong văn hóa các vùng, các địa phương trên cả nước ta, lĩnh vực văn học dân gian được các nhà sưu tầm, nghiên cứu chú ý sớm. Điều này được thể hiện trong việc các nhà nghiên cứu đã khoanh vùng để sưu tầm văn học dân gian, từ đó nhận diện phân vùng văn học dân gian. Việc khoanh vùng để sưu tầm đã được tiến hành từ sau cách mạng tháng Tám, nhất là từ

năm 1960 đến nay, hàng loạt các công trình sưu tầm, khảo cứu về văn học dân gian ở các địa phương đã được thực hiện. Có thể kể một số công trình như: *Tục ngữ dân ca Mường Thanh Hóa* của Minh Hiệu (2004), *Những bài ca đám cưới Mường Thanh Hóa* của Cao Sơn Hải (2003), *Thường Rạng, Bộ mệng Hoà Bình* của Bùi Thiện (1973), *Dân ca Mường Hoà Bình* của Quách Dao, Văn Quỳnh, Thanh Sơn, Bùi Thiện, Thương Diễm (1965); *Tục ngữ dân ca Mường Thanh Hóa* của Minh Hiệu (1999)...

Nghiên cứu về văn hóa vùng, cần thiết phải nhắc đến Ngô Đức Thịnh với những nhận định của ông về văn hóa vùng và phân vùng văn hóa. Theo ông, văn hóa lãnh thổ hay văn hóa vùng là một dạng thức văn hóa, mà ở đó trong một không gian địa lý xác định, các cộng đồng người do cùng sống trong một môi trường tự nhiên nhất định, trong những điều kiện phát triển xã hội tương ứng, và nhất là các mối quan hệ giao lưu văn hóa sống động, nên trong quá trình lịch sử lâu dài đã hình thành những đặc trưng văn hóa chung (Ngô Đức Thịnh, 2004, tr. 11). Những biểu hiện của văn hóa vùng mang tính đa vẻ, biểu hiện trên toàn bộ các mặt của đời sống văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của cư dân, tuy nhiên trong đó đặc trưng hơn cả là lối sống, nếp sống của cư dân, nếp ăn mặc, đi lại, giao tiếp, nếp vui chơi giải trí, phong tục, lễ nghi, tín ngưỡng, lễ hội, các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, nhất là văn hóa nghệ thuật dân gian như: văn học dân gian, âm nhạc, dân ca, kiến trúc, trang trí dân gian... (Ngô Đức Thịnh, 2004, tr. 70). Những quan niệm và nhận định này được sử dụng làm căn cứ cơ bản để chúng tôi nghiên cứu phân vùng văn học dân gian Mường.

<sup>1</sup> Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số: IV1.3-2010.09 (05-SH, KCH, DTH).

Trong bối cảnh người Mường ở Việt Nam, dân tộc này cư trú trên một địa bàn khá rộng thuộc các tỉnh: Thanh Hóa, Hòa Bình, Phú Thọ, Sơn La, Yên Bái... nhưng tập trung đông nhất là ở các tỉnh Hoà Bình, Thanh Hóa và Phú Thọ. Từ trước năm 1945, tỉnh Hoà Bình là nơi cư trú chủ yếu của người Mường, dân cư phân bố theo bốn thung lũng lớn, được gọi là bốn mường: Mường Bi, mường Vang, mường Thàng, mường Động với các dòng họ quý tộc làm Lang đạo thống trị lâu đời như: Đinh, Quách, Bạch, Hà. Căn cứ vào quy mô dân cư và lịch sử phát triển, thứ tự của bốn mường trên được xếp như sau: Nhất Bi, nhì Vang, tam Thàng, tứ Động.

Dân số người Mường đông nhất là ở tỉnh Hoà Bình (479.197 người, chiếm khoảng 46% tổng số người Mường trong cả nước) [Khổng Diễn (Chủ biên), 2001], rồi đến Thanh Hóa. Theo thống kê của Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hoá, tính đến ngày 1/4/2004, dân số Mường ở Thanh Hóa là 322.879 người, cư trú chủ yếu ở khu vực miền núi thuộc địa phận các huyện: Cẩm Thủy, Bá Thước, Ngọc Lặc, Thạch Thành, Lang Chánh. Về cơ cấu hành chính, đến trước cách mạng Tám năm 1945, người Mường trên địa bàn miền núi Thanh Hóa tổ chức thành các đơn vị hành chính truyền thống với khoảng 40 mường, do một số dòng họ lang nổi đời thống trị như: họ Hà 4 mường, họ Phạm Thúc và Phạm Văn 15 mường, họ Lê Xuân 4 mường, họ Trương Công 5 mường, họ Nguyễn Đình 7 mường, họ Quách 2 mường, họ Cao 1 mường. Những mường lớn có uy thế cả về kinh tế và chính trị là Mường Đẹ ở Thạch Thành, Mường Lân Ru ở Như Xuân, Mường Khô ở Bá Thước, Mường Rặc ở Ngọc Lặc, Mường Chénh ở Lang Chánh (Ban Dân tộc miền núi

Thanh Hóa xuất bản, 1999). Địa vực cư trú của người Mường là vùng thung lũng chân núi - vùng giao thoa văn hóa giữa người Mường với người Thái ở phía Tây, với người Kinh ở phía Đông. Trong quá trình phát triển của lịch sử, người Mường ở Thanh Hóa có mối quan hệ sâu sắc với người Thái bởi giữa hai dân tộc này đã có một quá trình gắn bó lâu dài và sự giao lưu hoà nhập về văn hóa. Dân số của người Thái ở Thanh Hóa đứng thứ hai sau người Mường. Như vậy, bao quanh không gian văn hóa của người Mường ở Thanh Hóa là người Thái, người Kinh. Từ đó, ta có thể nhận thấy nổi lên sắc thái văn hóa Mường ở các vùng là sắc thái văn hóa giao thoa Mường - Thái ở vùng Thanh Hoá, sắc thái văn hóa tương đối thuần Mường ở vùng Hoà Bình.

### **1.2. Từ những cảm nhận trong gian về các vùng mường**

Về tên gọi “mường”: “Mường” là một khái niệm chỉ một vùng cư trú của người Mường. Chẳng hạn, mường Động gồm nhiều nghĩa. Đây là một mường lớn gồm nhiều mường nhỏ: Mường Chiềng, Mường Gò Đầm (*Cò Đầm*), Mường Dành (*Dẻng*), Mường Chanh (*Cheng*), Mường Sóng (*Khộng*), Mường Cốc, Mường Quê Rù (*Quê Rù*). Trong khi đó, các mường nhỏ là những đơn vị hành chính tương tự như làng hay thôn. Mường Động lớn hơn đơn vị làng, thôn, có một mường trung tâm và nhiều mường liên kết xung quanh. Mường trung tâm là Mường Chiềng<sup>2</sup> còn các mường liên kết gồm: Gò Đầm, Dành, Chanh, Sóng, Cốc, Quê Rù. Mường trung tâm cũng như các mường liên kết đều được coi là Mường

<sup>2</sup> Chiềng là một khái niệm của người Thái, được coi là mường trung tâm. Người Mường đã tiếp nhận khái niệm này từ người Thái.

Động, nhưng Mường Chiềng là điểm xác định chính cho địa danh Mường Động.

Mường Động còn bao hàm cả một vùng đất rộng lớn thuộc thung lũng sông Bôi, gồm nhiều mường tương đương với đơn vị hành chính cấp huyện (huyện Kim Bôi), được xác định là một trong những cái nôi văn hóa của người Mường. Đây cũng là một trong bốn mường lớn của người Mường ở Hoà Bình (Bi, Vang, Thàng, Động), do vậy, Mường Động còn chỉ cả vùng đất của huyện Kim Bôi.

Như vậy, trong quan niệm của người Mường, theo quy mô là có mường lớn, mường nhỏ. Còn theo vị trí cư trú, người Mường lại phân thành Mường Trong, Mường Ngoài. Tuy nhiên, người Mường ở các vùng khác nhau lại có cách hiểu phạm vi rộng, hẹp cụ thể về Mường Trong và Mường Ngoài khác nhau.

Ở Hoà Bình, người Mường Động coi Mường Trong là vùng người Mường ở cách xa nơi cư trú của các tộc người khác, trong khi Mường Ngoài là vùng người Mường ở gần nơi cư trú các tộc người khác. Người Mường Bi quan niệm Mường Trong là các mường đông đúc nằm ở trung tâm vùng mường là nơi Lang đạo ở, còn Mường Ngoài là các mường ở xa trung tâm, nơi chỉ có các ậu cai quản. Người Mường ở Kỳ Sơn quan niệm Mường Trong là vùng rừng sâu, cách xa “kẻ chợ”, còn Mường Ngoài là vùng gần “kẻ chợ” (Kiều Trung Sơn, 2012, tr. 74).

Ở Thanh Hóa, người Mường tự gọi, hoặc vốn coi mình là người Mường Trong và chỉ người Mường các nơi như Hoà Bình là người Mường Ngoài. Từ đó, có ý kiến cho rằng người Mường xứ Thanh được cấu thành từ ba dòng chính. Bộ phận thứ nhất gồm

những người gốc người Mường từ tỉnh Hoà Bình di cư vào, được coi là người Mường Ngoài, chủ yếu là dân vùng Mường Bi (được gọi là Mọi Bi). Bộ phận thứ hai là quá trình vận động của người Thái bị Thái hoá thành người Mường hoặc người Kinh hoá Mường. Bộ phận thứ ba đáng chú ý nhất là người Mường bản địa; tính bản địa của bộ phận này không pha tạp, lẫn lộn với hai bộ phận kia rất rõ từ tiếng nói đến trang phục (Vương Anh, 1995, tr. 208-209). Do vậy, Xường là một thể loại dân ca của người Mường cũng được người Mường ở Thanh Hóa phân thành Xường Mường Trong (phổ biến ở vùng mường Thiết Ống - Thanh Hóa, trong dân gian còn gọi là Xường gốc) để khu biệt với Xường Mường Ngoài (chỉ bộ phận Xường có nét khác với Xường Thiết Ống, phổ biến ở vùng Thạch Thành do sự ảnh hưởng của Hoà Bình từ một bộ phận người Mường ở Mường Bi di cư mang vào) (Minh Hiệu, 1999, tr. 75, 272).

Tổng hợp các quan niệm như trên về mường, Mường Trong và Mường Ngoài, có các hướng nghĩa chính như sau:

*Thứ nhất*, Mường Trong và Mường Ngoài được hiểu trong một phạm vi hẹp, cụ thể trong sự tương quan với vị trí cư trú với các tộc người khác trên cùng một địa bàn. Đây là cách hiểu khá phổ biến của người Mường ở Hoà Bình để phân thành vùng người Mường ở sâu, cách xa vùng có người khác tộc cư trú hoặc là vùng trung tâm gần lang.

*Thứ hai*, Mường Trong và Mường Ngoài được hiểu trong phạm vi vùng lãnh thổ cư trú, chỉ sự tương quan so sánh giữa các mường của người Mường với nhau như mường của người Mường ở Hoà Bình và mường của người Mường ở Thanh Hóa. Quan niệm này hướng tới sắc thái văn hóa

địa phương của mỗi vùng Mường, mang ý nghĩa của văn hóa vùng.

*Thứ ba*, quan niệm về Mường Trong và Mường Ngoài trong cả hai cách hiểu trên dù ở phạm vi cụ thể rộng, hẹp khác nhau nhưng đều xuất phát từ trong tâm thức dân gian Việt Nam nói chung là luôn có “những cảm nhận về tính trội trong tính cách con người, trong các sản vật thiên nhiên, trong nếp sống văn hóa giữa làng này với làng kia, vùng kia” (Ngô Đức Thịnh, 2004, tr. 46). Những cảm nhận trong dân gian này tuy chưa mang ý niệm về vùng văn hóa, nhưng đúng như nhận xét của Ngô Đức Thịnh: “Đây chưa phải là tư duy phân vùng, mà chỉ mới là sự so sánh giữa “ta” với “họ”, giữa vùng này với vùng khác nảy sinh trong quá trình giao tiếp. Tuy nhiên, đây là vốn kinh nghiệm quý để chúng ta tham khảo khi xem xét vùng văn hóa” (Ngô Đức Thịnh, 2004, tr. 48) và các nhà khoa học đã nhận ra trong quan niệm dân gian những dự cảm đúng đắn. Tất cả những căn cứ trên là cơ sở khoa học để chúng ta phân vùng văn học dân gian Mường.

## **2. Phân chia các vùng văn học dân gian Mường**

Về cơ bản, lý thuyết phân vùng văn hóa của Ngô Đức Thịnh và quan niệm trong dân gian của người Mường về các vùng mường (Mường Trong, Mường Ngoài) có những điểm tương đồng. Trong đó, yếu tố quan trọng nhất là mối quan hệ giao lưu văn hóa trong lịch sử dài lâu giữa các tộc người trong một không gian địa lý xác định đã nảy sinh và hình thành những sắc thái văn học dân gian của mỗi vùng vừa có sự thống nhất vừa có sự khác biệt. Bởi vì, văn học dân gian từ cội nguồn bao giờ cũng phát sinh ở phạm vi một vùng hay giữa các dân tộc đan xen quần tụ sẽ tạo dựng, tích hợp thành di sản

văn học dân gian của một địa phương, một vùng văn hoá. Dựa vào đó, cùng với việc xem xét những thể loại văn học dân gian của người Mường, chúng tôi phân thành hai vùng văn học dân gian Mường: Vùng văn học dân gian Mường ở Hoà Bình, vùng văn học dân gian Mường ở Thanh Hóa. Tuy nhiên, việc phân vùng văn học dân gian Mường ở đây là mang tính tương đối, bởi văn học dân gian là một loại hình có tính phổ biến cao, lại luôn luôn được lưu chuyển giữa dòng đời; vì vậy, chúng tôi không đi vào xem xét các tác phẩm cụ thể mà chỉ nhìn nhận ở góc độ thể loại để thấy được sự hình thành và phát triển các thể loại văn học dân gian Mường là một hiện tượng văn hoá mang tính vùng.

### **2.1. Vùng văn học dân gian Mường ở Thanh Hóa**

Đây là vùng đan xen giữa người Mường và người Thái. Văn học dân gian Mường ở vùng này mang tính thống nhất tộc người về hệ thống thể loại, đó là sự hiện diện đầy đủ các thể loại trong bảng phân loại văn học dân gian Mường, bao gồm: Mo, Sử thi, Thần thoại, Truyện kể, Xường Rang, Bộ mệng, Truyện thơ... Nhưng nét khác biệt mang tính vùng là ở sự phát triển của các thể loại, quy mô độ dài ngắn của tác phẩm, các hình thức diễn xướng, kết cấu của tác phẩm và trên một số phương diện có sự giao thoa với văn học dân gian của người Thái ở Thanh Hóa. Có thể nhận thấy điều này qua sự phát triển của một vài thể loại như sau:

Xường là một thể loại dân ca tiêu biểu của người Mường, được phát triển mạnh ở Thanh Hoá với chức năng sinh hoạt chủ yếu là hát giao duyên. Xường giao duyên của người Mường ở Thanh Hoá đa dạng về phong cách thể hiện (*Xường Thiết Ống*,

*Xường leo lá, Xường Mường Ngoài*) và có quy trình khá chặt chẽ điển hình về cấu trúc (*Xường Thiết Ống*). *Xường Thiết Ống* (theo cách gọi của người Mường Thanh Hoá) là loại Xường đặc hữu của vùng Mường xứ Thanh. Trong quá trình giao lưu tiếp nhận văn hoá với các tộc người cùng cộng cư, với các nhánh Mường khác (từ Hoà Bình vào), Xường ở Thanh Hoá có thêm những phong cách thể hiện mới như *Xường leo lá, Xường Mường Ngoài, Xường leo lá* có thể xem như là một dạng biến thể của *Xường Thiết Ống*. Những người Mường ở Hoà Bình di cư vào mang theo Xường (chủ yếu là Xường chúc mừng) và nguồn Bộ mệnh phong phú, kết hợp với Xường giao duyên của người Mường vốn có mặt lâu đời ở Thanh Hoá đã sáng tạo nên loại *Xường Mường Ngoài* với phong cách thể hiện vừa mang dáng dấp của *Xường chúc* Hoà Bình vừa đậm sắc thái giao duyên của *Xường Thiết Ống* xứ Thanh.

Ở Hoà Bình, hát Xường chủ yếu là ca ngợi, nên có các loại như *Xường áng, Xường lộc bông, Xường đồn...* Bộ mệnh lại là thể loại chủ yếu phát triển ở các vùng Mường Hoà Bình. Nó có chức năng sinh hoạt dùng để hát giao duyên nam nữ tương tự như Xường của người Mường ở Thanh Hóa. Nói là hát, nhưng thực chất âm điệu, tiết tấu của Bộ mệnh thiên về nói miêng, nói chậm rãi thủ thỉ như bộc bạch tâm tình. Do vậy, trong cuộc hát Bộ mệnh đôi bên nam nữ ngồi đối diện với nhau (không ngồi cách nhau: Nam ngồi gian ngoài, nữ ngồi gian trong như hát Xường ở vùng Mường Thanh Hoá).

Xường của người Mường ở Thanh Hóa có cấu trúc lời mở đầu là “*Xuong xiết xuong nôông*” (có nghĩa là: Thương lắm thương nhiều) có cùng cấu trúc mở đầu với khặp của người Thái ở Thanh Hóa là “*Yêu đu lắm ne*”

(cũng có nghĩa là thương lắm thương nhiều). Khi người Thái cất lên lời khặp có câu mở đầu “*Yêu đu năm ne*” thì người Thái ở các địa phương khác đều nhận ra đó là khặp của người Thái ở Thanh Hóa.

So sánh các văn bản Mo - Sử thi *Đẻ đất đẻ nước* của người Mường ở Thanh Hóa và Hoà Bình, tác giả Bùi Văn Thành cũng nhận thấy, hai bản Mo này ở hai vùng Mường cùng loại hình thể loại, cùng chức năng thực hành nghi lễ, nhưng hai bản Mo Thanh Hóa và Hoà Bình có nhiều điểm khác nhau về lời, về quy mô kết cấu và một số mô típ trong xây dựng cốt truyện (Bùi Văn Thành, 2004, tr. 113-126). Trong khi đó, Mo của người Mường ở Thanh Hóa lại có nhiều điểm giống với Mo của người Thái ở Thanh Hóa, đặc biệt là giống nhau ở một số mô típ.

Ở một lĩnh vực khác gần với văn học dân gian là âm nhạc dân gian. Khi nghiên cứu về công chiêng Mường, tác giả Kiều Trung Sơn cũng nhận thấy công chiêng Mường Thanh Hóa có nhiều điểm khác với công chiêng Mường Hoà Bình. Hiện tượng trống dăm là một biểu hiện giao thoa văn hóa Thái - Mường khá thú vị có thể coi như một nét tiêu biểu cho mối liên hệ văn hóa tộc người trong vùng Mường Thanh Hóa (Kiều Trung Sơn, 2012, tr. 208).

## 2.2. Vùng văn học dân gian Mường ở Hoà Bình

Đây là vùng văn học dân gian mà ở đó sắc thái văn hóa Mường là nổi bật và chủ đạo, không lẫn lộn với sắc thái văn hoá của các tộc người khác. Do đó, tự bản thân nó đã nói lên những nét khác biệt với vùng văn học dân gian Mường Thanh Hóa là một vùng có sắc thái nổi bật bởi sự giao thoa Thái - Mường. Ở đây, các thể loại văn học dân gian

Mường cũng đầy đủ như ở vùng Mường Thanh Hóa, nhưng sự phát triển của một số thể loại, quy mô và cách thức diễn xướng có sự khác biệt so với vùng Mường Thanh Hóa. Ví dụ: Xường, một hình thức sinh hoạt ca hát đối đáp nam nữ đặc biệt phát triển mạnh ở vùng Mường Thanh Hóa nhưng lại không phát triển trong những vùng gần trung tâm Mường ở Hoà Bình. Một trong những nguyên nhân là chế độ lang đạo đặt lệ mỗi khi nhà lang có tang thì bất cứ hình thức vui chơi sinh hoạt văn hoá nào trong vòng ba năm đều bị cấm. Hết đám tang này lại đến đám tang khác trong dòng họ nhà lang dẫn đến loại hình sinh hoạt văn hoá văn nghệ đó dần dần bị thui chột.

Ngược lại, Bộ mệng ở Hoà Bình lại phát triển. Đây là một hình thức dân ca có hình thức diễn xướng thiên về kể chuyện tự bộc bạch tâm tình, bộc lộ tình cảm lứa đôi và đề cập đến số phận và những cảnh trái ngang của các đôi trai gái yêu nhau mà không lấy được nhau. Sự hà khắc của chế độ lang đạo vùng Mường Bi đã tác động đến nội dung phản ánh của các thể loại dân ca truyền thống của người Mường ở vùng này khiến nó hướng vào những vấn đề mang tính nổi bật là thân phận đau khổ của con người lao động. Nó chi phối đến cả hình thức diễn xướng và âm điệu. Để phản ánh bộc bạch những tâm trạng đau khổ, buồn sầu ấy, loại dân ca Bộ mệng có thể mạnh riêng của nó, do vậy nó phát triển mạnh ở vùng Mường Bi. Như vậy, thực tế cho thấy trong quá trình phát triển, các sinh hoạt văn hoá dân gian ở vùng Mường Bi chịu sự tác động của chế độ chính trị - xã hội, để lại dấu ấn rõ nét qua sự phát triển của các thể loại.

### **Một số nhận xét**

Người Mường ở đâu thì văn hóa Mường tỏa ra đến đấy. Quá khứ và hiện tại, văn học dân gian Mường có một vị trí quan trọng trong tổng thể nền văn hóa Việt Nam không phải chỉ vì dân tộc Mường đã có một thời kỳ chung gọi là tiền Việt - Mường, mà tự thân nền văn học dân gian Mường đã có một bề dày lịch sử, đa dạng phong phú về thể loại, đồ sộ về số lượng, đủ sức hội tụ lắng kết thành bản sắc Mường trong bản sắc chung của văn hóa Việt Nam.

Văn học dân gian Mường ở mỗi vùng Mường mang tính thống nhất cao về hệ thống thể loại, đồng thời cũng thể hiện tính đa dạng điển hình của một hiện tượng văn hóa dân gian. Mỗi vùng có những nét đặc trưng riêng trong sự phát triển các thể loại và kết cấu tác phẩm. Những sự khác biệt khái quát bước đầu qua văn học dân gian ở mỗi vùng Mường cho thấy ý nghĩa to lớn của môi trường tự nhiên, môi trường văn hóa - xã hội, sự giao lưu văn hoá giữa các tộc người đã làm nên sự khác biệt giữa các vùng. Sự phát triển các thể loại văn học dân gian ở mỗi vùng mang một đặc trưng riêng còn cho thấy, văn học dân gian Mường có sức hấp dẫn và lan tỏa mạnh mẽ tới văn hóa của tộc người khác cư trú cạnh người Mường, nhất là đối với người Thái ở vùng Mường Thanh Hóa.

Nhìn chung, vấn đề phân vùng văn học dân gian Mường đòi hỏi phải tiếp tục được nghiên cứu. Những suy nghĩ bước đầu trên đây mới chỉ phác thảo phân chia văn học dân gian Mường thành hai vùng: Vùng văn học dân gian Mường Thanh Hóa và vùng văn học dân gian Mường Hoà Bình. Hai vùng văn học dân gian này cũng tương ứng với hai vùng văn hóa Mường ở Việt Nam. Ngày

nay, các nhà nghiên cứu khoa xã hội và nhân văn đã và đang tập trung nghiên cứu vùng văn hoá. Văn học dân gian, các hiện tượng văn hóa dân gian là một trong những biểu hiện của vùng văn hóa. Việc phân vùng văn học dân gian Mường không chỉ góp phần làm sáng rõ thêm sắc thái văn hóa Mường ở hai vùng, hai địa phương, mà còn tạo điều kiện để các nhà nghiên cứu xem xét các tác phẩm văn học dân gian trong từng địa bàn hình thành, tồn tại, lưu truyền và phát triển của nó. Đồng thời sẽ giúp ích cho công việc sưu tầm, giới thiệu các tác phẩm văn học dân gian, các hiện tượng văn hóa dân gian phát triển nhanh, mạnh và hiệu quả.

#### Tài liệu tham khảo

1. Vương Anh (Chủ biên) (1997), *Mo - Sử thi dân tộc Mường*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
2. Vương Anh (1995), “Đặc trưng văn hóa Mường Thanh Hóa và việc xây dựng đời sống văn hóa ở vùng tộc người Mường”, *Văn hóa dân tộc Mường - Kỷ yếu Hội thảo văn hóa dân tộc Mường tại Hoà Bình*, tháng 9/1993, Sở Văn hóa Thể thao, Hội Văn học các dân tộc tỉnh Hoà Bình xuất bản, tr. 208-209.
3. Ban Dân tộc miền núi Thanh Hóa xuất bản (1999), *Công tác dân tộc*.
4. Nguyễn Từ Chi (1996, *Góp phần nghiên cứu văn hoá và tộc người*, Nxb Văn hóa Thông tin, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, Hà Nội.
5. Cuisinier, Jeanne (1995), *Les Muong (Người Mường: Địa lý nhân văn và xã hội học)*, Nxb Lao động, Sở Văn hóa Thể thao tỉnh Hoà Bình dịch từ nguyên bản tiếng Pháp, Hà Nội.
6. Quách Dao, Văn Quỳnh, Thanh Sơn, Bùi Thiện, Thương Diễm (1965), *Dân ca Mường Hoà Bình*, Nxb Văn học, Hà Nội.
7. Khổng Diễm (Chủ biên) (2001), *Dân số - Kế hoạch hoá gia đình các dân tộc ở Hoà Bình*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Minh Hiệu (1999), *Tục ngữ dân ca Mường Thanh Hóa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
9. Trương Sỹ Hùng (1992), *Sử thi thần thoại Mường*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Đặng Văn Lung, Vương Anh, Hoàng Anh Nhân (1988), *Đẻ đất đẻ nước: Sử thi Mường*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Phan Ngọc (1986), “Đẻ đất đẻ nước bản sử thi đầu tiên của nền văn học Việt - Mường”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, Số 4, tr. 24-37.
12. Bùi Văn Thành (2004), “Về vấn đề tác phẩm và dị bản cử sử thi thần thoại Mo Mường”, *Tạp chí Văn học*, Số 11, tr. 113-126.
13. Ngô Đức Thịnh (2004), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
14. Đặng Thái Thuyên (1988), “Hôn nhân và sự phát triển của cộng đồng Mường qua sử thi Đẻ đất đẻ nước”, *Tạp chí Văn học*, Số 6, tr. 66-73.
15. Kiều Trung Sơn (2012), *Công Chiêng Mường*, Nxb Lao động.
16. Trần Từ (1978), *Hoa văn cạp váy Mường*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
17. Trần Từ (1996), *Người Mường ở Hoà Bình*, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam xuất bản, Hà Nội.
18. UBND huyện Tân Lạc - Sở Văn hóa Thể thao Hà Sơn Bình (1988), *Người Mường với văn hóa cổ truyền Mường Bi*.